

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM VĂN KHẢI

**QUAN HỆ CỦA TRUNG QUỐC VỚI HÀN QUỐC (1992 –
2015)**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUỐC TẾ HỌC

Hà Nội – 2016

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM VĂN KHẢI

QUAN HỆ CỦA TRUNG QUỐC VỚI HÀN QUỐC (1992 - 2015)

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 60 31 02 06

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUỐC TẾ HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Phạm Quang Minh

Hà Nội – 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	6
1. Lý do lựa chọn đề tài.....	6
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	7
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	10
4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	11
5. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	12
6. Nguồn tài liệu được sử dụng.....	12
7. Đóng góp của luận văn.....	13
8. Bố cục của luận văn	14
Chương 1. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ CỦA TRUNG QUỐC VỚI HÀN QUỐC	16
1.1. Từ cấp độ toàn cầu	16
1.1.1. Xu hướng hợp tác hình thành thể chế khu vực	16
1.1.2. Nhân tố Mỹ và chính sách xoay trục ở Châu Á - Thái Bình Dương	19
1.2. Từ cấp độ quốc gia.....	26
1.2.1. Sự trỗi dậy của Trung Quốc.....	26
1.2.2. Chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc.....	30
1.2.3. Nhân tố Triều Tiên	31
1.2.4. Vai trò của Hàn Quốc trong chiến lược phát triển của Trung Quốc.....	31
1.3. Từ cấp độ cá nhân	36
1.3.1. Lãnh đạo Trung Quốc	36
1.3.2. Lãnh đạo Hàn Quốc	39
1.4. Tiểu kết.....	41
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN QUAN HỆ CỦA TRUNG QUỐC VỚI HÀN QUỐC TỪ 1992 ĐẾN 2015.....	43
2.1. Giai đoạn (1992- 2002)	43
2.1.1. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Giang Trạch Dân.....	43
2.1.2. Quan hệ chính trị - ngoại giao.....	44
2.1.3. Quan hệ kinh tế	45
2.1.4. Quan hệ văn hóa - xã hội	48
2.1.5. Quan hệ an ninh - quốc phòng	49

2.2. Giai đoạn (2002-2012)	50
2.2.1. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào.....	50
2.2.2. Quan hệ chính trị - ngoại giao.....	51
2.2.3. Quan hệ kinh tế	52
2.2.4. Quan hệ văn hóa - xã hội	56
2.2.5. Quan hệ an ninh- quốc phòng	58
2.3. Giai đoạn (2012 - 2015)	61
2.3.1. Chính sách đối ngoại nhiệm kỳ thứ nhất của chính quyền Tập Cận Bình.	61
2.3.2. Quan hệ chính trị - ngoại giao.....	63
2.3.3. Quan hệ kinh tế	64
2.3.4. Quan hệ văn hóa - xã hội	66
2.3.5. Quan hệ an ninh - quốc phòng	67
2.4. Tiểu kết.....	69
Chương 3. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ XU HƯỚNG QUAN HỆ CỦA TRUNG QUỐC VỚI HÀN QUỐC	71
3.1. Đánh giá tác động của quan hệ Trung – Hàn.....	71
3.1.1. Đối với khu vực Đông Á.....	71
3.1.2. Đối với hai nước.....	73
3.1.3. Đối với Việt Nam.....	78
3.2. Xu hướng trong quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc.....	81
3.2.1. Nhân tố thuận lợi.....	81
3.2.2. Nhân tố khó khăn	83
3.2.3. Dự báo xu hướng trong quan hệ hai nước.....	85
3.3. Tiểu kết.....	87
KẾT LUẬN	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	91

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AFTA	ASEAN Free Trade Area <i>Khu vực mậu dịch tự do ASEAN</i>
AIIB	Asian Infrastructure Investment Bank <i>Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á</i>
APEC	Asia- Pacific Economic Cooperation <i>Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương</i>
ARF	ASEAN Regional Forum <i>Diễn đàn khu vực ASEAN</i>
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations <i>Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á</i>
ASEM	The Asia - Europe Meeting <i>Diễn đàn hợp tác Á-Âu</i>
AU	African Union <i>Hiệp hội các quốc gia Châu Phi</i>
BFA	Boao Forum for Asia <i>Diễn đàn châu Á Bắc Ngao</i>
Châu Á – TBD	<i>Châu Á – Thái Bình Dương</i>
CHDCND	<i>Cộng hòa Dân chủ Nhân dân</i>
CHND	<i>Cộng hòa Nhân dân</i>
ĐCS	<i>Đảng Cộng sản</i>
EAS	East Asia Summit <i>Hội nghị cấp cao Đông Á</i>
EU	European Union <i>Liên minh châu Âu</i>

FDI	Foreign Direct Investment <i>Đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>
FTA	Free Trade Area <i>Hiệp định thương mại tự do</i>
GDP	Gross Domestic Product <i>Tổng sản phẩm quốc nội</i>
GMS	Greater Mekong Subregion <i>Tiểu vùng Sông Mekông mở rộng</i>
IMF	International Monetary Fund <i>Quỹ tiền tệ quốc tế</i>
MSR	Maritime Silk Road <i>Con đường tơ lụa trên biển</i>
NAFTA	North American Free Trade Agreement <i>Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ</i>
NATO	North Atlantic Treaty Organization <i>Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương</i>
NIEs	Newly Industrialized Economics <i>Những nền kinh tế công nghiệp mới</i>
OBOR	One Belt and One Road <i>Một vành đai, một con đường</i>
SCO	Shanghai Cooperation Organisation <i>Tổ chức Hợp tác Thượng Hải</i>
USD	United States Dollar <i>Đô la Mỹ</i>
WTO	World Trade Organization <i>Tổ chức Thương mại Thế giới</i>
XHCN	<i>Xã hội Chủ nghĩa</i>

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 2.1: Kim ngạch thương mại Trung Quốc - Hàn Quốc (1991-2002) , đơn vị : tỷ USD</i>	<i>46</i>
<i>Bảng 2.2 : Kim ngạch thương mại Trung - Hàn (2001-2012) , đơn vị : tỷ USD</i>	<i>53</i>
<i>Bảng 2.3: Các ngành đầu tư của Trung Quốc vào Hàn Quốc (đơn vị : dự án, triệu USD)</i>	<i>55</i>
<i>Bảng 2.4: Số lượng lưu học sinh hai nước Trung – Hàn giai đoạn (2002 – 2012).....</i>	<i>57</i>

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Cục diện chính trị thế giới kể từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc đã chứng kiến một sự thay đổi to lớn chưa từng có, cán cân quyền lực đang dịch chuyển mạnh mẽ từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trở thành trung tâm kinh tế năng động nhất thế giới, là địa bàn cạnh tranh quyền lực chiến lược giữa các nước lớn trên bàn cờ chính trị thế giới. Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế trong nhiều năm liền từ khi thực hiện công cuộc cải cách mở cửa đã khiến cho Trung Quốc trỗi dậy mạnh mẽ, vươn lên trở thành cường quốc trong khu vực. Bắc Kinh đang tìm cách từng bước gia tăng ảnh hưởng của mình ở khu vực Châu Á, làm bàn đạp vững chắc vươn ra thế giới, chính vì vậy khu vực Đông Á có vị trí và vai trò chiến lược, quan trọng. Là một quốc gia láng giềng nên Hàn Quốc đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chính sách gia tăng ảnh hưởng cũng như đảm bảo an ninh của Trung Quốc. Hơn nữa, trong hơn nửa thập kỷ đã qua Hàn Quốc và Mỹ luôn duy trì mối quan hệ đồng minh an ninh chiến lược, nó không chỉ dừng lại ở lĩnh vực an ninh, quốc phòng mà đã vươn đến cả các lĩnh vực khác, có tác động không nhỏ đến tình hình của các nước trong khu vực. Ngoài ra, vấn đề bán đảo Triều Tiên mà Hàn Quốc đóng vai trò là một nhân tố chủ chốt, có vai trò quan trọng thúc đẩy, duy trì môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực. Với những lý do như vậy nên Hàn Quốc đã trở thành địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng và đảm bảo an ninh chiến lược của Trung Quốc trong tương quan lực lượng với Mỹ. Vì vậy, việc nghiên cứu mối quan hệ từ phía Trung Quốc đối với Hàn Quốc này sẽ giúp chúng ta có cái nhìn rõ nét hơn về cách thức mà Trung Quốc tiến hành để gia tăng và cạnh tranh ảnh hưởng của mình tại đây.

Bên cạnh đó, Trung Quốc và Hàn Quốc còn là những đối tác chiến lược và có quan hệ thương mại phát triển nhanh chóng và quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Nghiên cứu quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc góp phần đề

xuất cho Việt Nam nắm bắt kịp thời những chuyển biến trong quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ với Trung Quốc và Hàn Quốc nói riêng, nhằm tranh thủ những thời cơ từ bối cảnh quốc tế cho qua trình phát triển đất nước, đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dân chủ, công bằng, văn minh, giải quyết thỏa đáng mục tiêu an ninh, ảnh hưởng và phát triển.

Do tính khoa học và thực tiễn sâu sắc của vấn đề nghiên cứu trong hoàn cảnh cụ thể của đất nước cho nên chúng tôi đã lựa chọn đề tài nghiên cứu luận văn thạc sỹ khoa học của mình là: *Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 – 2015)*

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992, chủ đề quan hệ Trung - Hàn thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của giới học thuật nhiều nước, đặc biệt trong đó phải kể đến những công trình nghiên cứu về mối quan hệ này tại Trung Quốc và Hàn Quốc. Một vài tác phẩm tiêu biểu có thể kể đến như:

Quan hệ Trung - Hàn đương đại của Nhà xuất bản Khoa học Xã hội Trung Quốc năm 1998 do các tác giả Lưu Kim Chất, Trương Mẫn Thu, Trương Tiểu Minh đồng chủ biên. Trong tác phẩm, thông qua việc khái quát lại lịch sử quan hệ giữa hai miền Triều Tiên và quan hệ giữa Trung Quốc với từng nước Hàn Quốc và Bắc Triều Tiên trước khi tiến hành bình thường hóa quan hệ Trung – Hàn; quá trình thiết lập mối quan hệ bang giao giữa hai nước Trung – Hàn; sự phát triển của quan hệ Trung – Hàn trên các lĩnh vực hợp tác như kinh tế, chính trị, văn hóa; Trung Quốc và việc thống nhất bán đảo Triều Tiên các tác giả đã cho người đọc thấy được một cái nhìn khái quát xuyên suốt trong quan hệ Trung – Hàn từ thời kỳ Chiến tranh lạnh cho tới năm 1998 (giai đoạn phát triển đầu tiên trong quan hệ hai nước). Có thể nói, tác phẩm đã khái quát một cách khá đầy đủ, hệ thống về mọi mặt hợp tác của quan hệ Trung – Hàn giai đoạn trước năm 1998, tuy nhiên vì đây là cách nhìn nhận từ

phía học giả Trung Quốc nên những giải pháp đưa ra để phát triển quan hệ này, đặc biệt là vai trò của Trung Quốc trong vấn đề thống nhất bán đảo Triều Tiên còn mang tính chủ quan, một chiều, hơn nữa các số liệu nghiên cứu trong thời gian trước năm 1998 đã cũ so với tình hình hiện tại.

Hợp tác Đông Bắc Á và quan hệ Trung – Hàn của Nhà xuất bản Kinh tế Trung Quốc năm 2014 do hai tác giả Môn Hồng Hoa (Trung Quốc) và nguyên Đại sứ Hàn Quốc tại Trung Quốc Shin Jung Seung đồng chủ biên. Có thể nói, đây là một trong số ít những tác phẩm có đánh giá tổng quát, toàn diện và khách quan về quan hệ Trung – Hàn trong suốt quá trình lịch sử quan hệ hai nước cho tới năm 2014 (thế hệ lãnh đạo thứ năm ở Trung Quốc). Thông qua nội dung bốn phần lớn là: những thay đổi trong tình hình Đông Bắc Á, cơ hội và thách thức của hợp tác Đông Bắc Á, hợp tác Đông Bắc Á và phương hướng chiến lược cho quan hệ Trung – Hàn, tương lai phía trước của quan hệ đối tác hợp tác chiến lược Trung – Hàn, tác phẩm đã phân tích tương đối đầy đủ tiến trình hợp tác của hai nước trên các lĩnh vực: kinh tế thương mại, chính trị ngoại giao, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng trong bối cảnh hợp tác khu vực Đông Bắc Á. Tác phẩm đã phân tích một cách bài bản, hệ thống những cơ hội, thách thức trên tất cả các lĩnh vực, từ đó đưa ra giải pháp và triển vọng cho quan hệ hai nước. Có lẽ đây là một trong những công trình nghiên cứu có giá trị, phân tích khá khách quan, toàn diện, cung cấp nhiều số liệu quan trọng, đặc biệt là phương pháp tiếp cận vấn đề khá hiện đại khi đặt quan hệ hai nước vào mối quan hệ chung của tình hình hợp tác ở khu vực Đông Bắc Á.

Quan hệ Trung - Hàn và cộng đồng kinh tế Đông Bắc Á (2006) của Nhà xuất bản Khoa học Xã hội Trung Quốc do hai tác giả Pu Jian Yi và Pu Guang Ji viết. Trong tác phẩm của mình, hai tác giả đã phân tích một cách khái quát về hiện trạng quan hệ Trung – Hàn và tương lai cho quan hệ hai nước cũng như môi trường an ninh, chính trị khu vực để xây dựng thành công Cộng đồng kinh tế Đông Bắc Á nhưng có lẽ phần nội dung chủ yếu được tác

giả đi sâu phân tích, chiếm hầu hết nội dung của cuốn sách là tình hình hợp tác trong lĩnh vực kinh tế của hai nước. Điều nổi bật của tác phẩm này là đã đưa ra các phân tích, khuyến nghị cho Trung Quốc trong hợp tác kinh tế với Hàn Quốc, thúc đẩy tiến trình hợp tác kinh tế khu vực hướng tới Cộng đồng kinh tế Đông Bắc Á nhưng xét trên bình diện tổng quan thì đây chỉ là một lĩnh vực hợp tác cụ thể ở một giai đoạn nên chưa thể phản ánh đầy đủ bản chất và xu hướng trong quan hệ hai nước Trung – Hàn, cũng như tác động của nó đến việc hình thành cộng đồng kinh tế của khu vực Đông Bắc Á.

Lịch sử quan hệ Trung – Hàn của Nhà xuất bản Văn hiến Khoa học Xã hội Bắc Kinh năm 1997 do các tác giả Tống Thành Hữu, Khương Hân, Vương Lôì đồng chủ biên. Trong tác phẩm, các tác giả đã đi vào phân tích diễn biến quan hệ hai nước trong suốt thời kỳ những năm 50 của thế kỷ 20 đến khi tiến hành tiếp xúc và thiết lập quan hệ ngoại giao. Trong tiến trình đó, sự điều chỉnh về chính sách của mỗi nước, tình hình bán đảo Triều Tiên cùng với cơ chế đối thoại hai miền cũng như sự phát triển trong quan hệ kinh tế thương mại, văn hóa giáo dục giữa hai nước đã được tác phẩm làm rõ. Nhưng hạn chế của tác phẩm này là còn thiếu một cái nhìn đầy đủ, rõ nét phản ánh bản chất quan hệ hai nước, nhất là mốc thời gian nghiên cứu đã quá xa so với tình hình quan hệ hai nước hiện nay.

Nghiên cứu quan hệ Trung – Hàn sau Chiến tranh lạnh, Nhà xuất bản Đại học Trung Sơn, Quảng Châu năm 2009 của tác giả Ngụy Chí Giang. Trong tác phẩm, thông qua việc phân tích chính sách ngoại giao, tình hình triển khai và tác động của nó đến quan hệ Trung – Hàn trong từng giai đoạn nắm quyền của Tổng thống Hàn Quốc từ thời của Tổng thống Roo Tae-woo cho tới Lee Myung-bak, tác phẩm đã phân tích những nhân tố thuận lợi và khó khăn có ảnh hưởng đến sự phát triển của quan hệ hai nước từ đó đưa ra những đề xuất để phát triển quan hệ hơn nữa.

Ngoài ra còn một số bài viết được đăng trên các trang mạng điện tử như: bài viết với nhan đề Quan hệ Trung – Hàn trong hợp tác khu vực Đông Bắc Á của tác giả Lý Xương, Viện Triết học và Lịch sử Văn hóa, Đại học Tương Đàm, tỉnh Hồ Nam được đăng tải vào tháng 12 năm 2007; Đối tác chiến lược Trung – Hàn cơ hội và thách thức đi sâu phát triển được đăng trên báo Trường Đảng Trung ương Trung Quốc vào tháng 12 năm 2014; Đánh giá triển vọng quan hệ Trung – Hàn của tác giả Lee Deong-ryul Viện nghiên cứu Trung Quốc của Bộ Ngoại giao Hàn Quốc vào tháng 12 năm 2014.

Ở Việt Nam, mặc dù trong nước từng xuất hiện một vài nghiên cứu về quan hệ của hai nước Trung - Hàn trong giai đoạn từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đến nay, song những công trình nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống để làm rõ bản chất, tiến trình vận động cũng như những tác động cụ thể mà quan hệ này đưa tới cho các nước trong khu vực nhằm đưa ra những dự báo kịp thời cho Việt Nam thì vẫn còn thiếu vắng và chưa hệ thống. Đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề toàn cầu, hợp tác quốc tế, xu hướng hợp tác phát triển của các quốc gia xung quanh ngày càng gia tăng, càng cần chúng ta phải có sự quan tâm, đầu tư thích đáng để nghiên cứu. Cho đến nay, đã có một số ít nghiên cứu về quan hệ Trung – Hàn như : Bài báo với chủ đề Quan hệ Trung Quốc – Hàn Quốc kể từ khi bình thường hóa quan hệ của tác giả Hoàng Minh Hằng, đăng trên Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, số 5, tháng 10/2005; Mối quan hệ Seoul – Bắc Kinh: hôm qua và ngày mai, năm 2012, do Trần thị Duyên dịch; Quan hệ với Trung Quốc là chìa khóa mở ra tương lai cho Hàn Quốc của tác giả Võ Hải Thanh, đăng trên trang điện tử của Viện Nghiên cứu Hàn Quốc, ngày 7/9/2012.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung phân tích những nhân tố chính tác động đến sự gia tăng trong quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc; những thay đổi cụ thể

trong việc triển khai chính sách của Trung Quốc với Hàn Quốc trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng; đánh giá một số tác động và xu hướng trong quan hệ của hai nước.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian: Luận văn tập trung phân tích mối quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc trong khoảng thời gian từ năm 1992 đến 2015 và được chia làm ba giai đoạn nhỏ: giai đoạn (1992 – 2002), giai đoạn (2002 – 2012) và giai đoạn (2012 – 2015) tương ứng với ba thế hệ lãnh đạo của Trung Quốc. Ngoài ra, luận văn cũng khái quát về mối quan hệ này trước khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992.

Về vấn đề nghiên cứu: Luận văn tập trung phân tích quá trình phát triển của quan hệ song phương giữa Trung Quốc với Hàn Quốc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992 đến nay. Luận văn được phân tích từ góc độ của Trung Quốc, tức là nhìn nhận tiến trình mà Trung Quốc hoạch định chính sách và triển khai trên thực tế để gia tăng ảnh hưởng đối với Hàn Quốc.

4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chính của luận văn là phân tích và đánh giá một cách khách quan, hệ thống tiến trình phát triển của quan hệ Trung – Hàn, từ đó đưa ra đề xuất, dự báo cho Việt Nam trong quan hệ với từng nước Trung Quốc và Hàn Quốc.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ những nhân tố tác động tới quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc.

Phân tích những tiến triển trong quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng.

Đánh giá tác động của mối quan hệ này tới bản thân mỗi nước, khu vực Đông Á và với Việt Nam, đồng thời đưa ra một số dự báo về xu hướng hợp tác trong quan hệ Trung - Hàn thời gian tới.

5. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Hướng tiếp cận

Để thực hiện đề tài nghiên cứu này, chúng tôi có cách tiếp cận hệ thống chủ yếu dựa trên các lý thuyết về quan hệ quốc tế, lý thuyết địa chính trị; ngoài ra cách tiếp cận của phương pháp nghiên cứu liên ngành, đa ngành trong khoa học xã hội cũng được sử dụng rộng rãi để lý giải và đánh giá vấn đề như: xã hội học, lịch sử học, địa lý học, văn hóa học.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết nhiệm vụ đặt ra, luận văn đã sử dụng:

Về tư liệu: luận văn tiến hành thu thập, tổng hợp, phân tích, hệ thống hóa các loại hình tư liệu theo từng nhóm, từng cấp độ khác nhau.

Về cách thức nghiên cứu: luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu trong lý thuyết quan hệ quốc tế, đặc biệt là phương pháp phân tích quan hệ quốc tế theo các cấp độ; phương pháp lịch sử hệ thống, thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh đối chiếu, logic và các phương pháp trong cách tiếp cận liên ngành của khoa học xã hội để phân tích chính sách và làm rõ vấn đề cần lập luận.

6. Nguồn tài liệu được sử dụng

6.1. Tài liệu cấp 1 (tài liệu gốc) chủ yếu bao gồm :

Các tài liệu mang tính quy phạm pháp luật như Nghị quyết, Nghị định của cơ quan Nhà nước Trung Quốc và Hàn Quốc liên quan đến các hoạt động chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng.

Các báo cáo chính thức của Chính phủ, cơ quan hành chính các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội được thống kê, công bố.

6.2. Tài liệu cấp 2 (tài liệu thứ cấp) chủ yếu bao gồm :

Các công trình khoa học đã được công bố như: sách tham khảo, các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành, luận văn, luận án, các tham luận trong các hội thảo khoa học.

Tài liệu trên các trang mạng điện tử chính thống của các nước liên quan, các bài phát biểu, các chuyên mục bình luận chuyên đề trên báo chí, truyền thông.

7. Đóng góp của luận văn

7.1. Tính khoa học

Đây là một đề tài nghiên cứu còn khá mới ở trong nước nên còn nhiều vấn đề cần được làm rõ, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, đưa quan hệ hợp tác với các nước đi vào chiều sâu, toàn diện, thực chất hơn. Việc nghiên cứu một cách bài bản, hệ thống mối quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc trong giai đoạn hiện nay góp phần lý giải hiện trạng mối quan hệ Trung – Hàn trên các phương diện, từ đó gợi mở và có thể nhận diện được chiến lược của Trung Quốc đối với Hàn Quốc nói riêng và các nước trong khu vực trong đó có Việt Nam nói chung .

Thông qua việc phân tích sự chuyển biến trên các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước, có thể đánh giá được những tác động đối với bản thân mỗi nước, với Việt Nam, khu vực và thế giới. Từ đó thấy được thực trạng cũng như xu hướng trong quan hệ giữa các quốc gia láng giềng, giữa một nước lớn với một nước nhỏ có ý nghĩa trong việc nghiên cứu và đưa ra các luận điểm khoa học mang tính tham khảo cho công tác thực tiễn.

7.2. Tính thực tiễn

Góp phần hệ thống hóa và cụ thể hóa các thông tin, dữ liệu về mối quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc từ năm 1992 đến 2015.

Thông qua phân tích thực trạng quan hệ hai nước, đưa ra những đánh giá về tác động của nó góp phần củng cố các luận cứ khoa học cho công tác

hoạch định chính sách đối ngoại của nước nhà trong bối cảnh quan hệ quốc tế hết sức phức tạp và biến đổi không ngừng như hiện nay.

Ngoài ra, công trình khoa học này còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên, học viên cao học và những người muốn nghiên cứu về mối quan hệ Trung - Hàn nói riêng và quan hệ giữa các nước trong khu vực Đông Bắc Á nói chung.

8. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận thì bố cục của luận văn được chia làm ba chương, cụ thể như sau :

Chương 1. Các nhân tố tác động đến quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc.

Ở chương này luận văn sử dụng phương pháp phân tích quan hệ quốc tế theo các cấp độ để làm nổi bật những nhân tố chủ yếu tác động đến sự điều chỉnh trong chính sách của Trung Quốc đối với Hàn Quốc. Từ cấp độ toàn cầu là xu hướng hợp tác hình thành thể chế khu vực và nhân tố Mỹ cùng chính sách xoay trục ở Châu Á- Thái Bình Dương đến cấp độ quốc gia: sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng như chính sách ngoại giao láng giềng của nước này và nhân tố Triều Tiên, vai trò của Hàn Quốc trong chiến lược phát triển của Trung Quốc tới cấp độ cá nhân: giới lãnh đạo Trung Quốc và Hàn Quốc.

Chương 2. Thực trạng phát triển quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc từ 1992 đến 2015.

Trong chương này luận văn được chia ra làm ba giai đoạn nhỏ, giai đoạn từ 1992 đến 2002, giai đoạn từ 2002 đến 2012 và giai đoạn từ 2012 đến 2015, tương ứng với ba thế hệ lãnh đạo của Trung Quốc để phân tích tiến trình phát triển trong quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc trên từng lĩnh vực cụ thể như: chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng.

Chương 3. Đánh giá tác động và xu hướng quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc.

Trên cơ sở thực trạng phát triển quan hệ giữa Trung Quốc với Hàn Quốc được phân tích ở chương 2, đến chương này luận văn đi vào đánh giá tác động của quan hệ Trung - Hàn đối với bản thân mỗi nước, khu vực Đông Á và với Việt Nam. Ngoài ra, luận văn cũng đưa ra nhận định về xu hướng quan hệ giữa hai nước Trung - Hàn trên cơ sở phân tích những yếu tố thuận lợi cũng như khó khăn của cặp quan hệ này.

Chương 1.

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ CỦA TRUNG QUỐC VỚI HÀN QUỐC

Những năm đầu tiên của thế kỷ 21 đánh dấu sự chuyển biến to lớn trong cục diện chính trị thế giới, cán cân quyền lực đang dịch chuyển dần từ Tây sang Đông. Hòa bình, ổn định và phát triển là xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế đương đại, điều này đã tác động không nhỏ đến việc hoạch định và sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia, dân tộc. Sự hợp tác phát triển và giải quyết các vấn đề thách thức chung mang tính toàn cầu đã kéo các nước xích lại gần nhau hơn để cùng nhau viết nên luật chơi mới, xây dựng cơ chế, thể chế đa phương ở phạm vi khu vực hay toàn cầu. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của các trung tâm kinh tế mới nổi như: Nhật Bản, NIEs, ASEAN. Đặc biệt với sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, nước này ngày càng thể hiện rõ ý đồ trong việc nỗ lực gia tăng ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu, làm cho cán cân quyền lực thay đổi, dần hình thành nên một trật tự thế giới mới. Ngoài ra, với chính sách “xoay trục” của Mỹ sang Châu Á – Thái Bình Dương rõ ràng đang đặt các nước lớn có lợi ích chiến lược trong khu vực rơi vào sự tranh giành ảnh hưởng quyết liệt, tác động không nhỏ tới sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc trong mối quan hệ bang giao với Hàn Quốc.

1.1. Từ cấp độ toàn cầu

1.1.1. Xu hướng hợp tác hình thành thể chế khu vực

Khái niệm thể chế: Đây là một khái niệm phức tạp và được xem xét dưới những góc độ khác nhau. Định nghĩa kinh điển nhất được đưa ra bởi nhà kinh tế học người Đức - Adolph Wagner, cho rằng "thể chế là các khế ước,

các hợp đồng và luật lệ thành văn đang cai quản đời sống và con người" ¹. Đầu thế kỷ 20, ở phương Tây xuất hiện một khuynh hướng chính trị mới - khuynh hướng chủ nghĩa thể chế, quan niệm thể chế là bất kỳ liên hiệp bền vững nào của con người nhằm đạt được mục đích nhất định nào đó. Quan niệm này tương đối giống với cách hiểu của Ngân hàng thế giới về thể chế, cho rằng thể chế bao hàm ba nội dung quan trọng nhất, đó là luật chơi, cơ chế thực thi và tổ chức ². Do đó, thể chế được hiểu chung nhất là tập hợp các quy tắc điều chỉnh xã hội và là kết quả của những thỏa thuận xã hội, nó thể hiện một cách sâu sắc khuynh hướng chính trị mà đảng cầm quyền đã lựa chọn.

Khái niệm khu vực: Khu vực là thuật ngữ được sử dụng cả vào bối cảnh trong nước lẫn quốc tế, theo đó, khu vực được hiểu là “một phần bề mặt, không gian có biên giới hoặc có những đặc điểm nhất định” ³. Trên quy mô quốc tế thì khu vực là: một vùng lãnh thổ được cấu tạo từ hai hay nhiều quốc gia được phân định ranh giới cho một mục đích cụ thể nào đó ⁴. Khi phân định khu vực chúng ta thường dựa vào các yếu tố khác nhau. Bên cạnh các yếu tố truyền thống thường thấy dựa theo địa lý hay tính thuần nhất (homogeneity), sự tương đồng (similarity) về văn hóa - xã hội như: chủng tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, giá trị văn hóa, thì trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay sự chia sẻ về kinh tế, chính trị là các nhân tố có tác động mạnh mẽ, thúc đẩy liên kết khu vực giữa các quốc gia ⁵. Cách xác định khu vực này dựa trên

¹ Adolph Wagner, Speech on the Social Question (abridged), in Donald O. Wagner, ed. Social Reformers. Adam Smith to John Dewey, New York: Macmillan, pg. 489-506.

² Trương Thục Linh, Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng dưới tác động của các yếu tố chất lượng thể chế và môi trường kinh tế vĩ mô, Luận văn thạc sĩ kinh tế Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, tr.13

³ Hutchinson, Concise Encyclopedic Dictionary [A. Hasnan Habib, Defining the “Asia Pacific Region”, The Indonesian Quarterly, Vol.XXIII, No.4, 1995 , pg. 305]

⁴ Hugo. F. Reading, A Dictionary of the Social Sciences [A. Hasnan Habib, Defining the “Asia Pacific Region”, The Indonesian Quarterly, Vol.XXIII, No.4, 1995 , pg. 305]

⁵ Dẫn theo [7, tr. 77- 86]

quan điểm lợi ích kinh tế và chính trị đều là những lợi ích cơ bản của mỗi quốc gia.

Vì vậy, thể chế khu vực chính là tập hợp các quy tắc điều chỉnh xã hội về lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh- quốc phòng, văn hóa- xã hội trong một vùng lãnh thổ, khu vực nào đó. Thực tế cho thấy, dưới tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa và hợp tác quốc tế thì xu hướng hợp tác thường bao hàm tổng hợp nhiều lĩnh vực khác nhau từ kinh tế, chính trị đến an ninh- quốc phòng, văn hóa- xã hội, do đó thể chế khu vực cũng bao hàm toàn bộ các lĩnh vực đó.

Từ đầu thập niên 1990, dưới sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ, xu thế toàn cầu hóa (globalization) được thúc đẩy một cách mạnh mẽ, sự hợp tác và tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế và chính trị giữa các quốc gia càng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết. Chính sự chia sẻ về kinh tế và chính trị đó đã thúc đẩy sự liên kết khu vực giữa các quốc gia, yêu cầu cấp bách cần có một cơ chế, tổ chức ở khu vực để cùng nhau hợp tác và đối phó với các thách thức mang tính toàn cầu.

Việc tham gia mạnh mẽ và rộng rãi vào các khối liên kết ở khu vực, từng bước tiến tới sự nhất thể hoá cao thông qua các văn bản, hiệp định kí kết đã đem lại cho các quốc gia trong liên minh sự ổn định, hợp tác cùng phát triển. Thế giới đã chứng kiến một loạt các khối liên kết kinh tế, chính trị khu vực lần lượt được hình thành ở khắp các châu lục khác nhau như: khối các quốc gia trong hiệp hội mậu dịch tự do Bắc Mỹ - NAFTA, các quốc gia trong liên minh Châu Âu - EU, diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương - APEC, các quốc gia của hiệp hội mậu dịch tự do Đông Nam Á - AFTA hay hiệp hội liên minh các quốc gia Châu Phi – AU là những khối liên kết phản ánh sinh động cho xu hướng hợp tác, hình thành nên các thể chế riêng ở trong khu vực. Trên thực tế, nhất là trong lĩnh vực kinh tế và chính trị Trung Quốc ngày càng nỗ lực lôi kéo Hàn Quốc vào xu thế hợp tác này để hình thành nên

khởi liên kết chung khu vực mà trước tiên là Cộng đồng kinh tế Đông Bắc Á để thúc đẩy tăng trưởng, thịnh vượng, xa hơn nữa là đảm bảo an ninh cho mỗi nước. Yếu tố hợp tác càng gia tăng do sự ràng buộc lợi ích lẫn nhau càng lớn và sự cam kết càng cao khi cùng tham gia vào các cơ chế chung thì càng có nhiều khả năng làm suy giảm những rủi ro gây xung đột, mất ổn định, do đó việc tạo ra một thể chế để liên kết khu vực là một giải pháp thúc đẩy sự hợp tác và phát triển quan hệ các nước.

1.1.2. Nhân tố Mỹ và chính sách xoay trục ở Châu Á - Thái Bình Dương

Mối quan hệ liên minh an ninh Mỹ - Hàn:

Năm 1948, nước Đại Hàn Dân Quốc ra đời, cùng với sự kiện này quan hệ Hàn - Mỹ cũng được xác lập. Song khi nói đến lịch sử mối quan hệ này, người ta thường nhắc đến một mốc khởi đầu xa hơn, ngày 22/5/1882 với việc ký kết Hiệp ước hoà bình, hữu nghị, thương mại và hàng hải giữa Triều Tiên và Mỹ (The Treaty of Peace, Amity, Commerce and Navigation)⁶. Trong những năm cuối thế kỷ XIX, Triều Tiên đã thu hút khá đông giới kinh doanh Mỹ vào đầu tư và triển khai các hoạt động buôn bán, tuy nhiên Chính phủ Mỹ rất mong muốn được quản lý hoàn toàn các hòn đảo ở Philippines, vì vậy họ sẵn sàng hy sinh tất cả những gì đã đầu tư ở Triều Tiên để đạt được tham vọng của mình. Ngày 27/7/1905, Mỹ ký kết một thỏa thuận với Nhật Bản xung quanh vấn đề Philippines, Viễn Đông và Triều Tiên. Theo thỏa thuận này Mỹ thừa nhận quyền ảnh hưởng của Nhật Bản tại Triều Tiên, đổi lại Nhật Bản bằng lòng để Mỹ tự do hoạt động ở Philippines. Sau thỏa thuận này hầu hết người Mỹ, chủ yếu là thương nhân đã rút khỏi địa phận Triều

⁶ Edited by Youngnok Koo and Dae - sook Suh(1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu, pg. 22.

Tiên. Năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, thỏa thuận Maxcova về Triều Tiên được ký kết, trong đó Mỹ tiếp quản bán đảo Triều Tiên từ vĩ tuyến 38° trở xuống. Vì mục tiêu bá chủ toàn cầu của mình, bắt đầu từ năm 1945, Mỹ đã triển khai các chương trình viện trợ quân sự và kinh tế cho miền đất này. Tuy nhiên, phải đến năm 1948, sau khi chính phủ thân Mỹ của Tổng thống Synman Rhee ra đời, quan hệ giữa Hàn Quốc và Mỹ mới thực sự được thiết lập, nó càng trở nên sâu sắc hơn từ sau Chiến tranh Triều Tiên.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nam bán đảo Triều Tiên gặp phải nhiều vấn đề khó khăn cả về kinh tế và an ninh, chính trị do phải chịu sự tàn phá của Chiến tranh Triều Tiên, điều này càng đẩy Hàn Quốc đến chỗ ngày càng phụ thuộc hơn vào sự viện trợ của Mỹ, “viện trợ và nhận viện trợ” đã trở thành một đặc điểm nổi bật trong quan hệ Mỹ - Hàn suốt một giai đoạn dài. Thông qua viện trợ, Mỹ từng bước chi phối tình hình chính trị tại đây, đặc biệt sau Chiến tranh Triều Tiên làm cho Hàn Quốc ngày càng phải gắn bó chặt chẽ hơn với Mỹ. Tháng 10 năm 1953, Mỹ - Hàn ký “Hiệp định phòng thủ chung” chính thức trở thành một liên minh quân sự, Hàn Quốc nằm trong hệ thống đảm bảo an ninh của Mỹ ở khu vực Đông Á. Sự duy trì và phát triển của liên minh Mỹ - Hàn chính là bộ phận cấu thành cơ bản trong chính sách của Mỹ đối với bán đảo Triều Tiên sau Chiến tranh lạnh.

Liên minh Mỹ - Hàn được xây dựng trên nền tảng từ động cơ an ninh, chính trị hơn là những lý do về kinh tế, do đó vấn đề an ninh phòng thủ, chính trị đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của cả Mỹ lẫn Hàn Quốc trong suốt thời kỳ đầu lịch sử quan hệ hai nước. Nhưng từ sau Chiến tranh lạnh đứng trước bối cảnh mới của tình hình quốc tế và khu vực mối quan hệ liên minh này có những xung đột khá lớn, tính chất của quan hệ Mỹ - Hàn cũng bắt đầu có sự thay đổi từ quan hệ đồng minh quân sự trong Chiến tranh lạnh chuyển sang quan hệ đối tác toàn diện, bình đẳng. Được biểu hiện rõ nét qua những đặc điểm sau (i) về chính trị: từ chỗ Hàn Quốc luôn phụ thuộc vào Mỹ phát

triển thành quan hệ đối tác, Mỹ không còn là người thống trị tuyệt đối trong mọi vấn đề; (ii) về kinh tế: từ chỗ Hàn Quốc hoàn toàn nhờ vào sự viện trợ của Mỹ chuyển sang hợp tác cùng có lợi, sự cọ sát kinh tế và cạnh tranh thương mại đã trở thành đặc điểm nổi bật trong quan hệ hai nước; (iii) về quân sự: từ chỗ Mỹ đóng vai trò chủ đạo chuyển sang cơ chế trợ giúp, Hàn Quốc bắt đầu triển khai nền quốc phòng tự chủ hơn.

Có thể nhận thấy, lịch sử của mối quan hệ liên minh Mỹ - Hàn được chuyển tiếp qua nhiều thời kỳ với những đặc trưng riêng, song nhìn chung mối liên minh này vẫn duy trì được sự phát triển ban đầu, thậm chí nó còn phát triển rộng sang các lĩnh vực khác như: kinh tế, văn hóa, ngoại giao, khoa học - giáo dục,... cả Mỹ và Hàn Quốc đều khẳng định tầm quan trọng của liên minh này. Quan hệ mật thiết của liên minh còn làm tăng lên niềm tin và giá trị quan chung trên các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước. Sự ảnh hưởng về kinh tế, văn hóa, ngoại giao và chiến lược của Mỹ đối với Hàn Quốc đã tác động mạnh mẽ đến định hướng tương lai trên lĩnh vực an ninh và kinh tế của Hàn Quốc. Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Hàn Quốc hầu như luôn duy trì chính sách lấy Mỹ làm trung tâm để nhìn ra thế giới, thậm chí các “nhóm lợi ích” là những người có tác động chính của xã hội Hàn Quốc cũng luôn lấy Mỹ làm trung tâm để đảm bảo lợi ích của họ. Do đó, trong chính sách đối ngoại Hàn Quốc luôn coi quan hệ với Mỹ là nền tảng, đặt Mỹ vào vị trí hàng đầu trong chiến lược ngoại giao của mình. Sự phát triển sâu rộng, chặt chẽ trong quan hệ Hàn - Mỹ có tác động không nhỏ đối với các nước trong khu vực Đông Á, đặc biệt là sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn có lợi ích tại đây mà Trung Quốc là một nhân tố chủ chốt trong đó, khi nước này đang có tham vọng trở thành một cường quốc toàn cầu, làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.

Chính sách xoay trục của Mỹ ở Châu Á – TBD:

Nếu như trước khi Chiến tranh lạnh kết thúc, địa bàn Châu Âu là nơi mà Mỹ đặt trọng tâm chiến lược trong chính sách đối ngoại của mình, thì ngay khi lên nắm quyền, chính quyền Bush (cha) bên cạnh việc vẫn coi trọng khu vực Châu Âu cũng đã bắt đầu chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu sang khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (Châu Á - TBD) để duy trì địa vị siêu cường toàn cầu của mình. Mở đầu cho thế kỷ 21, với sự kiện tấn công của chủ nghĩa khủng bố vào tòa tháp đôi ở thành phố New York ngày 11/09/2001 đã tước đi 2.753 sinh mạng vô tội và gây thiệt hại hàng ngàn tỷ đô la Mỹ⁷, cùng với đó là niềm kiêu hãnh bất khả xâm phạm của một siêu cường đã bị giáng một đòn nặng nề. Từ đây cụm từ “chủ nghĩa khủng bố” được Mỹ thường xuyên nhắc tới và “chống chủ nghĩa khủng bố” cũng trở thành chính sách đối ngoại được ưu tiên hàng đầu, xuyên suốt trong các nhiệm kỳ từ thời của Tổng thống Bush cho tới Tổng thống Obama sau này. Tháng 3 năm 2003, bất chấp sự phản đối của các nước trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, Mỹ đơn phương tiến hành chiến tranh ở Iraq với lý do đây là quốc gia dung dưỡng cho lực lượng khủng bố quốc tế. Suốt một thời gian dài Mỹ bị sa lầy và tiêu tốn tiền của, nhân lực tại đây, điều này tạo khoảng trống về lợi ích chiến lược và ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực Châu Á – TBD. Hơn nữa, sự lan rộng nhanh chóng của chủ nghĩa khủng bố quốc tế đã buộc Mỹ phải chi tiêu mạnh tay cho các lực lượng quân sự và tình báo của mình ở khắp các khu vực từ Trung Á đến Tây Nam Á và Châu Phi, cũng làm cho ưu thế vượt trội của Mỹ bị tổn thất.

Trong suốt nhiều năm liền từ khi công cuộc cải cách mở cửa được diễn ra tại Trung Quốc, nền kinh tế đông dân nhất thế giới này đã tranh thủ được thời cơ từ làn sóng đầu tư nước ngoài, cũng như khoa học công nghệ và

⁷ 9/11 by the Numbers, <http://nymag.com/news/articles/wtc/1year/numbers.htm>, September 2014

nguồn tài nguyên sẵn có để bứt phá, vươn lên thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới vào năm 2010. Cùng những thành tựu kinh tế đã đạt được, Trung Quốc không ngừng tìm cách củng cố địa vị lãnh đạo của mình ở khu vực Châu Á – TBD, nhằm tạo thế bàn đạp vững chắc để vươn ra thế giới.

Sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc làm dấy lên mối lo ngại với Mỹ và phương Tây, đặc biệt là vị trí siêu cường lâu nay của Hoa Kỳ. Cùng với đó là sự quan tâm “mờ nhạt” của chính quyền Mỹ và sự thực thi chính sách đối ngoại cứng rắn thiên về chủ nghĩa đơn phương của chính quyền Bush, làm cho hình ảnh của nước Mỹ ngày càng trở nên tồi tệ hơn trong con mắt các quốc gia Châu Á, ảnh hưởng không nhỏ đến vị thế của Mỹ ở khu vực này. Hiểu biết đầy đủ tình hình mà nước Mỹ đang phải đối diện, ngay từ khi lên nắm quyền, Tổng thống Barack Obama đã đề ra chiến lược với tên gọi “xoay trục” hay “tái cân bằng” đối với khu vực Châu Á- TBD một cách tổng thể, toàn diện, có mục tiêu rõ.

Về kinh tế: Với mục tiêu đưa nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng và suy thoái kinh tế, tiếp tục là đầu tàu kinh tế của khu vực và thế giới. Chính quyền Tổng thống Obama đang theo đuổi chiến lược sử dụng chính sách ngoại giao để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Mỹ cũng rất coi trọng, phát triển các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương với các nước trong khu vực. Ngày 15/3/2012, “Hiệp định thương mại tự do Mỹ - Hàn” chính thức có hiệu lực đã giúp cho nền kinh tế Mỹ thâm nhập sâu hơn vào thị trường Châu Á. Không những vậy, Mỹ còn tích cực thúc đẩy xây dựng các khung hợp tác kinh tế đa phương ở Châu Á - TBD và chủ động thúc đẩy “Hiệp định hợp tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương – TPP”⁸, đây chính là sự tập trung

⁸ TPP bao gồm 12 thành viên là: Mỹ, Chile, New Zealand, Singapore, Brunei, Australia, Peru, Việt Nam, Malayxia, Canada, Mexico, Nhật Bản được khởi động từ tháng 3/2010 và hoàn tất vào đầu tháng 10/2015. TPP được kỳ vọng là mô hình mới về hợp tác kinh tế khu vực, tạo thuận lợi tối đa cho thương mại, đầu tư, sẽ bao phủ 40% kinh tế toàn cầu và bổ sung cho GDP thế giới thêm gần 300 tỷ USD mỗi năm.

chủ chốt trong chính sách thương mại, đồng thời là nền tảng cho chính sách tái cân bằng của Mỹ ở Châu Á- TBD.

Về chính trị: Mỹ tăng cường can dự và muốn có tiếng nói quyết định tại các diễn đàn, các tổ chức trong khu vực, trên cơ sở đó tiếp tục khẳng định vị thế, vai trò là trung tâm lãnh đạo thế giới. Bên cạnh đó Mỹ cũng chú trọng tăng cường quan hệ với các nước đồng minh truyền thống trong khu vực như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines, Australia, Thái Lan và tích cực phát triển quan hệ đối tác với các nước khác như: Ấn Độ, Singapore, Indonesia, New Zealand, Malaysia, Mông Cổ, Việt Nam, Brunei. Mỹ tăng cường can dự vào các thể chế khu vực bằng việc tham gia đầy đủ tại các diễn đàn và tổ chức ở khu vực như: APEC, ASEAN, EAS, đồng thời tích cực thể hiện vai trò chủ chốt của mình trong việc xây dựng chương trình nghị sự tại các diễn đàn này.

Về quân sự: Mỹ không ngừng nâng cao năng lực quân sự của mình tại khu vực thông qua việc duy trì và tăng cường bố trí lực lượng quân đội, đẩy mạnh hoạt động diễn tập chung với các nước đồng minh và đối tác liên quan, nỗ lực giao lưu quân sự với các nước trong khu vực, như khởi động lại hợp tác quốc phòng với Ấn Độ và tăng cường giao lưu quân sự với Việt Nam. Với trọng tâm chiến lược trên lĩnh vực quân sự là lấy lực lượng hải quân làm nòng cốt và củng cố vững chắc các liên minh quân sự song phương với các nước ở Châu Á- TBD. Những tranh chấp gần đây trong khu vực Châu Á- TBD là một cơ hội rất tốt để Mỹ có thể tái xác lập lại lực lượng và không gian ảnh hưởng của mình⁹.

⁹ Tranh chấp lãnh thổ giữa Nhật Bản và Trung Quốc trên hòn đảo Senkaku/ Điếu Ngư là cơ hội tốt để Mỹ tăng cường sự hiện diện ở đây, đặc biệt là sau tuyên bố bất ngờ ngày 23 tháng 11 năm 2013 về Vùng nhận dạng phòng không trên biển Hoa Đông từ phía Trung Quốc, đã làm Mỹ phản ứng một cách mạnh mẽ và kiên quyết hơn. Không chỉ tuyên bố không công nhận vùng nhận dạng này của phía Trung Quốc, Mỹ còn điều hai máy bay B-52 từ đảo Guam bay vào vùng nhận dạng rồi quay về .

Về ngoại giao: Trong suốt nhiệm kỳ của mình kể từ khi lên nắm quyền Tổng thống Obama và các quan chức cấp cao của chính phủ Hoa Kỳ đã có nhiều chuyến công du đến các nước trong khu vực Châu Á - TBD¹⁰. Một động thái rõ nét từ phía Mỹ để gia tăng sự ảnh hưởng của mình tại khu vực Đông Nam Á là đưa ra Sáng kiến hạ lưu sông Mekong (US - Lower Mekong Initiative) bao gồm các quốc gia như: Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam nhằm tăng cường hợp tác và đảm bảo sự phát triển thịnh vượng của các quốc gia ở hạ lưu nơi dòng sông chảy qua. Đồng thời Mỹ cũng quyết tâm thể chế hóa cơ cấu hợp tác “Hoa Kỳ - Mekong” với 4 quốc gia hạ lưu sông Mekong bằng việc tổ chức các cuộc hội kiến cấp Bộ trưởng Ngoại giao các nước hạ lưu Mekong với Mỹ bên lề Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN và ARF.

Về văn hóa: Mỹ không ngừng tìm cách truyền bá các giá trị phương Tây - giá trị Mỹ, nhất là tự do, dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, tìm cách đưa văn hóa Mỹ thâm nhập rộng rãi vào khu vực Châu Á. Mỹ cũng thúc giục các nước tiến hành cải cách chính trị, bên cạnh việc truyền bá và cổ vũ cho các tổ chức hoạt động với danh nghĩa giá trị dân chủ, nhân quyền.

Có thể nói, sự điều chỉnh chiến lược trong chính sách “xoay trục” của Mỹ ở khu vực Châu Á- TBD, cùng với tiềm lực sẵn có sự hiện diện của Mỹ tại khu vực sẽ tác động không nhỏ đến quan hệ giữa các nước lớn, cũng như làm cho các cuộc cạnh tranh ở đây trở nên gay gắt và quyết liệt hơn bao giờ hết, điều này tác động mạnh mẽ đến quá trình hoạch định chính sách đối

¹⁰ Tháng 11/2009, Tổng thống Mỹ thăm Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc. Sau đó một năm vào tháng 11/2010, Tổng thống Mỹ thăm Indonesia, Hàn Quốc, Nhật Bản. Cũng trong tháng 11/2011, Tổng thống Mỹ tiếp tục có chuyến thăm tới Australia và Indonesia. Tháng 3/2012, Tổng thống Mỹ thăm Hàn Quốc và tháng 11/2012, thăm Thái Lan, Myanmar, Campuchia và tham dự Hội nghị Cấp cao Đông Á. Tháng 4/2014 Tổng thống Mỹ có chuyến thăm tới 4 nước: Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia và Philippines.

ngoại của Trung Quốc, nhất là trong bối cảnh chuyển tiếp thể hệ lãnh đạo mới của Trung Quốc.

1.2. Từ cấp độ quốc gia

1.2.1. Sự trỗi dậy của Trung Quốc

Bước sang thế kỷ 21, Trung Quốc trở thành nền kinh tế có sức tăng trưởng nhanh nhất thế giới. Nhờ sự phát triển vượt bậc đó, Trung Quốc đã trở thành cường quốc kinh tế - chính trị thế giới. Điều này đang làm thay đổi cán cân quyền lực trên bàn cờ địa chính trị thế giới, nhất là ở khu vực Đông Á theo hướng lấy Trung Quốc làm trung tâm, đồng thời thu hẹp sự ảnh hưởng của các nước lớn tại đây. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc giúp nước này có điều kiện gia tăng sự ảnh hưởng của mình trên quy mô toàn thế giới thông qua các chính sách đầu tư, thương mại và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tại các nước đang phát triển, quảng bá các giá trị văn hóa Trung Hoa nhưng mặt khác cũng làm cho các nước này trở nên thận trọng hơn trong quan hệ với Trung Quốc vì những mặt trái của quá trình hợp tác do Trung Quốc tạo ra.

Về kinh tế: Từ khi cải cách mở cửa năm 1978 đến nay sau hơn 30 năm đổi mới Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu vượt bậc trong phát triển kinh tế, nhiều năm liền trong giai đoạn từ 2001 đến 2010 mức tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) duy trì ở mức 10,39% . Nếu như năm 1978, GDP của Trung Quốc mới chỉ đạt gần 21 tỷ USD, thì đến năm 2010, GDP của Trung Quốc đã đạt 5.879 tỷ USD, vượt qua Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới¹¹. Dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đến tháng 6 năm 2016, đã là 3.210 tỷ USD¹².

Ngoại thương: Từ khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2001, Trung Quốc không ngừng mở cửa và hợp tác với nền kinh tế toàn

¹¹ Dẫn theo [26, tr. 47]

¹² Dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc bất ngờ tăng trong tháng 6, làm cho những người bi quan ở phố Wall kinh ngạc, <http://finance.sina.com.cn/china/gncj/2016-07-08/doc-iftwiht3381190.shtml>, ngày 8/7/2016

cầu, việc tận dụng tốt làn sóng đầu tư quốc tế và xuất khẩu đã đem lại cho Trung Quốc nguồn tài chính khổng lồ. Nhờ phát triển thương mại quốc tế nên hoạt động xuất nhập khẩu của Trung Quốc diễn ra rất hiệu quả, trở thành quốc gia có mức xuất siêu lớn nhất thế giới, tính đến tháng 9 năm 2016 tỷ lệ xuất siêu của Trung Quốc đạt mức 396 tỷ USD ¹³.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Năm 2015, Trung Quốc lần đầu tiên trong lịch sử trở thành nước đầu tư ra nước ngoài lớn thứ hai thế giới với tổng số vốn lên đến 146,67 tỷ USD ¹⁴. Đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc chủ yếu thông qua đầu tư vào thị trường tài chính tiền tệ - mua trái phiếu, cổ phiếu của Mỹ, đầu tư và trợ giúp cho các nước đang phát triển ở Châu Phi, Mỹ Latinh, Đông Nam Á. Trung Quốc cũng thu hút được rất lớn nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong nhiều năm liền, đỉnh điểm là năm 2015, lượng FDI đổ vào Trung Quốc đạt mức 136 tỷ USD, tăng trưởng 6% so với năm 2014, chỉ đứng thứ ba sau Mỹ và vùng lãnh thổ Hong Kong trong danh sách các nước nhận được nhiều nguồn vốn FDI nhất thế giới ¹⁵.

Về quân sự: Sau nhiều năm đạt được những thành tựu vượt bậc về kinh tế, Trung Quốc ngày càng chi mạnh tay cho công cuộc hiện đại hóa quân sự, quốc phòng. Ngân sách quốc phòng của Trung Quốc không ngừng được gia tăng theo từng năm, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc năm 2015 ở mức 145,8 tỷ USD ¹⁶ và tiếp tục với đà tăng trưởng 7,6% cho chi tiêu quốc phòng

¹³ Bảng thống kê tình hình tăng giảm xuất nhập khẩu hải quan Trung Quốc, <http://data.eastmoney.com/cjsj/hgjk.html>

¹⁴ Đài phát thanh quốc tế Trung Quốc, Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc năm 2015 lần đầu tiên đứng thứ hai thế giới, <http://vietnamese.cri.cn/421/2016/09/22/1s226718.htm>, ngày 22/09/2016

¹⁵ Trần Kiên, FDI toàn cầu tăng trưởng 36%, Trung Quốc thu hút FDI cao kỷ lục, http://caijing.chinadaily.com.cn/2016-01/26/content_23246617.htm, ngày 26/1/2016

¹⁶ Các nhà quan sát quân sự, Đầu tư cho xây dựng quốc phòng Trung Quốc năm 2015 đã đạt hàng 100 tỷ đô la Mỹ: gấp 3 lần chi phí của Nhật Bản, <http://www.v4.cc/News-2401487.html>, ngày 6/10/2016

trong năm 2016 với 146,67 tỷ USD¹⁷. Hiện tại, Trung Quốc đã chế tạo thành công nhiều vũ khí, trang thiết bị quân sự có công nghệ hiện đại như tàu vũ trụ có người lái, tàu thăm dò Mặt Trăng, tên lửa đẩy, tên lửa hành trình, máy bay chiến đấu (J-6, J-7, J-9, J-10, J-20, J-30), hệ thống định vị Bắc Đẩu, tàu ngầm hạt nhân trang bị tên lửa đạn đạo, xe tăng¹⁸.

Về ngoại giao: Trung Quốc ngày càng chủ động tham gia và thể hiện vai trò tích cực, quan trọng vào các tổ chức hợp tác đa phương của khu vực và thế giới. nỗ lực xây dựng hình ảnh của một nước lớn thân thiện, là trung tâm kinh tế - chính trị ở Châu Á, làm bàn đạp vững chắc để mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Từ thời lãnh đạo của Hồ Cẩm Đào, Trung Quốc đã xây dựng chính sách ngoại giao của một nước lớn, đóng vai trò đi đầu, mạnh dạn, chủ động đề xuất xây dựng các cơ chế hợp tác, đặt ra luật chơi mới cho khu vực và thế giới như sáng kiến thành lập Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO), Diễn đàn Bắc Ngao (BFA), Hợp tác GMS, Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB). Trong quan hệ chính trị, ngoại giao với Hàn Quốc, Trung Quốc cũng không ngừng thúc đẩy sự hợp tác trên các diễn đàn khu vực, quốc tế và trong khuôn khổ cơ chế đàm phán tìm kiếm giải pháp hòa bình trên bán đảo Triều Tiên. Thông qua vai trò trung gian hòa giải, Trung Quốc muốn tranh thủ sự đồng thuận, tăng cường sự ảnh hưởng của mình đối với Hàn Quốc.

Về sức mạnh mềm: Ngoài việc tích cực xây dựng các giá trị chính trị trong nước, Trung Quốc đang cố gắng truyền tải những hình ảnh tích cực của mình ra thế giới bên ngoài, quảng cáo “mô hình Trung Quốc”. Chính phủ Trung Quốc kêu gọi cải cách trật tự quốc tế hiện nay nhằm giành được sự công bằng, dân chủ giữa các nước lớn, một sự thịnh vượng kinh tế chung và

¹⁷ Trọng Giáp, Ngân sách quốc phòng Trung Quốc sẽ tăng 7,6% , <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/ngan-sach-quoc-phong-trung-quoc-se-tang-7-6-3364830.html>, ngày 5/3/2016

sự đa dạng về văn hóa và tư tưởng, giải quyết hòa bình các xung đột quốc tế¹⁹. Trung Quốc cũng tận dụng sức mạnh của truyền thông²⁰ như một kênh phát ngôn ngoại giao, định hướng dư luận và quảng bá ra thế giới các giá trị quan, hình ảnh quốc tế của mình.

Ngoài ra, Trung Quốc không ngừng nỗ lực phát triển mạng lưới giáo dục Hán ngữ qua các Trung tâm văn hóa và Viện nghiên cứu được thành lập ở nước ngoài. Với mục tiêu ban đầu là giảng dạy tiếng Hán, sau đó thông qua ngôn ngữ để truyền bá kiến thức, giao lưu văn hóa, đưa giá trị bản sắc Trung Hoa vươn ra thế giới. Ngày 21/11/2004 đánh dấu Học viện Khổng Tử đầu tiên trên thế giới được thành lập ở Seoul (Hàn Quốc) thì tính đến tháng 12 năm 2015 đã có 500 Học viện Khổng Tử và 1.000 lớp học Khổng Tử được mở ra tại 134 quốc gia và vùng lãnh thổ trên phạm vi toàn cầu²¹. Trong đó Hàn Quốc là một trong những quốc gia được Trung Quốc đặc biệt coi trọng quảng bá các giá trị văn hóa của mình. Tính đến cuối năm 2015 ở Hàn Quốc đã có 23 Học viện Khổng tử và 6 lớp học Khổng tử, ngoài ra theo số liệu thống kê, ở Hàn Quốc hiện tại có 91 viện nghiên cứu, hơn 200 trường đại học, hơn 1.000 trường cấp ba, hơn 400 trường trung học và gần 100 trường tiểu học dạy tiếng Trung hoặc nghiên cứu về Trung Quốc.

Bên cạnh sự phát triển nhanh chóng của hoạt động thương mại, đầu tư, làn sóng di cư và du lịch của người Trung Quốc trên khắp thế giới cũng như ở Hàn Quốc, góp phần làm tăng cường hình ảnh của một nước Trung Hoa đang

¹⁹ Wang Jian, *Soft Power in China : Public Diplomacy through Communication*, Hongying Wang, Chapter 3 : *China's Image Projection and Its Impact* , Basingstoke : Palgrave Macmillan, 2011

²⁰ Đài phát thanh quốc tế Trung Quốc VOC (Voice of China) đã phát sóng bằng hầu hết các ngôn ngữ quốc tế thông dụng. Bên cạnh đó đài này còn thành lập trang web “ Quốc tế trực tuyến”- một trong những trang mạng trọng điểm của chính phủ Trung Quốc hiện đã phát triển tới 43 loại chữ viết và phát thanh bằng 48 loại ngôn ngữ, dẫn theo <http://gb.cri.cn/21344/2007/09/29/1885@1788521.htm> ; Ngoài ra kênh truyền thông đối ngoại hữu hiệu và có uy tín nhất của Trung Quốc là CCTV đã xây dựng được 4 kênh quốc tế phát sóng ở 137 quốc gia và khu vực với thời gian phát sóng 24 tiếng đồng hồ , tham khảo thêm [8, tr 50]

²¹ Học viện Khổng Tử, lớp học Khổng Tử, http://www.hanban.edu.cn/confuciousinstitutes/node_10961.htm

trỗi dậy mạnh mẽ làm gia tăng sức mạnh mềm của Trung Quốc tại Hàn Quốc và trên toàn thế giới.

1.2.2. Chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc

Chính sách đối ngoại mới của Trung Quốc với nguyên tắc: tạo lập và duy trì môi trường láng giềng tốt đẹp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu; ổn định, cải thiện và phát triển quan hệ với các nước lớn có vị trí then chốt, do đó, chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc được xếp ở vị trí thứ hai sau quan hệ với các nước lớn nhưng thể hiện nội dung phong phú và xu hướng vận động nổi bật hơn. Trên cơ sở của chính sách “mục lân, an lân”, hòa hợp và yên ổn với láng giềng của giai đoạn trước nhằm tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định thực hiện mục tiêu hiện đại hóa, thì đến Đại hội 17, Trung Quốc đưa thêm nội hàm “phú lân” với phương châm “cùng hợp tác, cùng phồn vinh”. Mở rộng các lĩnh vực hợp tác theo hướng toàn diện và cân bằng hơn, từ chỗ chỉ chú trọng trong quan hệ chính trị, kinh tế chuyển sang coi trọng thúc đẩy toàn diện cả quan hệ chính trị, kinh tế, quân sự, an ninh, văn hóa trong khuôn khổ song phương và đa phương. Với khu vực Đông Bắc Á, đặt mục tiêu xây dựng khu vực ổn định về chính trị - an ninh, tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại, phá thế kiềm chế của liên minh Mỹ - Nhật - Hàn, thiết lập các cơ chế đối thoại hợp tác Trung - Nhật - Hàn, loại bỏ các nguy cơ đối với an ninh khu vực, thúc đẩy xu thế hòa dịu và chủ động phát huy vai trò chủ đạo trong các vấn đề khu vực.

Trung Quốc ưu tiên ba trọng tâm chủ yếu là kinh tế, an ninh và tăng cường sức mạnh mềm. *Về kinh tế*, Trung Quốc đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực năng lượng, khai khoáng, viễn thông, xây dựng cơ sở hạ tầng, hợp tác bảo đảm an ninh năng lượng, khoa học - kỹ thuật, công nghệ cao và bảo vệ môi trường sinh thái với Hàn Quốc, trên cơ sở hợp tác với các nước láng giềng Trung Quốc cố gắng thúc đẩy tăng cường liên kết kinh tế khu vực. *Về an ninh*, cùng với các nước trong khu vực, trong đó có Hàn Quốc tiến tới thành lập cơ

ché an ninh chung khu vực Đông Bắc Á, kiểm soát các điểm nóng. *Về tăng cường sức mạnh mềm*, Trung Quốc kết hợp giữa ảnh hưởng của sức mạnh cứng về chính trị, kinh tế với văn hóa như là công cụ quyền lực mềm bằng cách đẩy mạnh truyền bá văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, y học cổ truyền tới nước láng giềng Hàn Quốc và các nước lân cận. Có thể thấy rõ, Trung Quốc đang ngày càng cố gắng tập trung khai thác mọi thế mạnh của mình, tranh thủ thời cơ lôi kéo các nước nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược sớm trở thành một cực quyền lực chi phối cục diện chính trị thế giới.

1.2.3. Nhân tố Triều Tiên

Chính sách ngoại giao Đông Bắc Á của Triều Tiên sau Chiến tranh lạnh

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ ba bên ở phía Bắc gồm: Nga, Trung Quốc, Triều Tiên xuất hiện sự thay đổi, cả hai nước Nga và Trung Quốc lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc, biến thù thành bạn, xác lập quan hệ láng giềng hữu nghị. Tương ứng với quan hệ ba bên phía Bắc là quan hệ ba bên ở phía Nam gồm: Mỹ, Nhật, Hàn vẫn ổn định như cũ, Mỹ tiếp tục duy trì quân đội và căn cứ quân sự tại Nhật Bản và Hàn Quốc. Quan hệ ba bên hai phía Bắc, Nam đã có sự biến đổi làm cho Triều Tiên phải đối mặt với sự cô độc không còn sự giúp đỡ, an ninh quốc gia khủng hoảng trầm trọng, điều này chính là nguyên nhân quan trọng làm cho Triều Tiên thúc đẩy chính sách “ngoại giao cứng rắn” và tiến tới chiến lược “hạt nhân” đầy mạo hiểm.

Năm 1991, Triều Tiên đối mặt với khủng hoảng kinh tế toàn diện, sau đó không lâu vào năm 1994, Chủ tịch Triều Tiên Kim Il-sung qua đời, lúc này Triều Tiên đối mặt với những khó khăn chồng chất từ trong ra ngoài. Sau khi lên nắm quyền vào tháng 8 năm 1998, Chủ tịch Kim Jong-il đã đề ra chiến lược xây dựng “nước lớn thịnh vượng” xã hội chủ nghĩa, từ đó chính sách ngoại giao Đông Bắc Á xuất hiện những thay đổi cơ bản.

Triều Tiên muốn sử dụng chiến lược “hạt nhân” để làm cánh cửa mở ra quan hệ với Mỹ, đây được xem là một chủ trương then chốt trong chiến lược ngoại giao của Triều Tiên. Họ hiểu rõ gác lại những điểm bất lợi với Hàn Quốc chính là chìa khóa quan trọng để mở ra cánh cửa sớm thiết lập quan hệ với Mỹ, đồng thời cũng có nhiều cơ hội để thiết lập quan hệ ngoại giao với Nhật Bản, từ đó làm cho các nước lớn xung quanh đạt được lợi ích lớn nhất về kinh tế, chính trị. Điều này góp phần giúp Triều Tiên thoát khỏi sự phụ thuộc vào các nước lớn, cũng như tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi để hoàn thành sự nghiệp thống nhất bán đảo Triều Tiên. Ngoài ra, Triều Tiên nỗ lực thúc đẩy phục hồi quan hệ ba bên ở phương Bắc cũng là một điểm mới trong chiến lược ngoại giao Đông Bắc Á của nước này. Điều này không chỉ có ý nghĩa góp phần đảm bảo môi trường an ninh của Triều Tiên mà còn có tác dụng cải thiện quan hệ của Triều Tiên với Mỹ. Mặt khác, Triều Tiên cũng muốn thông qua chiến lược “phát triển bình đẳng” trong lĩnh vực kinh tế với Hàn Quốc để tìm kiếm cơ hội đối thoại, hòa giải để thực hiện chính sách ngoại giao Đông Bắc Á của mình.

Hiệp ước tương trợ hợp tác hữu nghị Trung – Triều và tác động của nó đến quan hệ Trung – Hàn

Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, Mỹ - Hàn đã xây dựng mối quan hệ đồng minh đặc biệt, điều này tạo ra nguy cơ đe dọa rất lớn đối với an ninh của Triều Tiên. Mặt khác, quan hệ của hai nước Trung – Triều cũng vô cùng gần gũi, nếu như chiến tranh ở Triều Tiên xảy ra thì Trung Quốc cũng khó lòng đứng ngoài cuộc. Đứng trước bối cảnh đó vào ngày 11 tháng 7 năm 1961, hai nước Trung Quốc và Triều Tiên đã cùng nhau ký kết “Hiệp ước tương trợ hợp tác hữu nghị Trung – Triều”, quy định toàn diện các nguyên tắc cơ bản phát triển quan hệ của hai nước, trong đó liên minh chính trị quân sự được coi là lĩnh vực quan trọng nhất.

Rõ ràng với tâm lý e ngại một khi bán đảo Triều Tiên thống nhất, lực lượng ở khu vực Đông Á sẽ mất đi sự cân bằng làm ảnh hưởng đến vai trò của mình cho nên Trung Quốc chủ trương duy trì hiện trạng và không muốn bán đảo Triều Tiên được thống nhất. Trung Quốc chỉ thể hiện vai trò là người trung gian, thúc đẩy giao lưu hợp tác và hòa giải hai miền Nam Bắc, duy trì sự hòa bình, ổn định của bán đảo Triều Tiên.

Chính sách thúc đẩy chính trị, kinh tế riêng biệt với Triều Tiên và Hàn Quốc ở bán đảo Triều Tiên của Trung Quốc đang gặp phải những thách thức không nhỏ. Thứ nhất, Hàn Quốc cảm thấy không thỏa mãn, do quan hệ Trung – Hàn phát triển toàn diện, Hàn Quốc mong muốn hợp tác nhiều hơn nữa với Trung Quốc trên các lĩnh vực chính trị, an ninh, ngoại giao. Trong lĩnh vực hợp tác kinh tế hai nước vẫn tồn tại những điểm rối khó gỡ liên quan đến những vấn đề chính trị, quan hệ kinh tế càng phát triển sâu lại càng cần sự bảo đảm trong lĩnh vực chính trị. Trung Quốc muốn phát triển quan hệ với Hàn Quốc cũng phải xem xét tới lợi ích của Triều Tiên. Thứ hai, khi quan hệ Trung – Hàn càng phát triển, Triều Tiên lại cảm thấy bị tổn thương, đòi hỏi Trung Quốc phải quan tâm tới họ nhiều hơn. Như vậy, Trung Quốc không thể không xem xét lợi ích của Triều Tiên trong chiến lược phát triển quan hệ với Hàn Quốc, điều này vô hình dung sẽ tạo ra sự nghi ngờ, không tin tưởng từ phía Hàn Quốc làm ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện quan hệ đối tác hợp tác Trung - Hàn.

Trong những năm gần đây, đặc biệt kể từ khi lên nắm quyền lãnh đạo Chủ tịch Triều Tiên Kim Jong-un không hề thể hiện sự tôn trọng đối với Trung Quốc. Bình Nhưỡng không chỉ phớt lờ trước những cảnh báo đến từ Bắc Kinh mà còn chủ động thoát dần khỏi sự ảnh hưởng từ Trung Quốc bằng việc tìm kiếm các cơ hội hợp tác mới. Rõ ràng với thái độ “cứng rắn” hơn từ nhà lãnh đạo Triều Tiên sẽ khiến cho Trung Quốc phải tính toán lại chiến lược của mình trong quan hệ với hai miền bán đảo Triều Tiên.

1.2.4. Vai trò của Hàn Quốc trong chiến lược phát triển của Trung Quốc

Là một quốc gia láng giềng nằm ở phía Đông của Trung Quốc, Hàn Quốc giữ một vị trí trọng yếu trong chiến lược an ninh quốc gia cũng như đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Không những thế, trong bối cảnh quốc tế khi chính quyền Mỹ đang thể hiện sự quyết tâm “xoay trục” tại khu vực Châu Á- TBD mà mối quan hệ đồng minh chiến lược Mỹ - Hàn, Mỹ - Nhật được thiết lập từ trước đó, cùng với những tranh chấp căng thẳng gần đây liên quan đến vấn đề lãnh thổ trên vùng biển Hoa Đông giữa Nhật Bản và Trung Quốc thì Hàn Quốc sẽ trở thành địa bàn trọng điểm trong cuộc đua tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn mà Trung Quốc sẽ giữ vai trò chủ chốt trong cuộc đua tranh này.

Trong chiến lược an ninh - quốc phòng: Là một nước láng giềng nằm ở khu vực có nhiều điểm nóng và sự cạnh tranh ảnh hưởng rất quyết liệt giữa các nước lớn trên thế giới, Hàn Quốc có vai trò quan trọng trong việc duy trì, bảo đảm an ninh quốc gia, tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định, phục vụ cho sự phát triển và ảnh hưởng của Trung Quốc. Những năm gần đây, với bước tiến vượt bậc về kinh tế, Trung Quốc đã trở dậy mạnh mẽ, điều này làm gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế nhưng lại làm cho các nước trong khu vực trở nên lo ngại hơn bao giờ hết. Mặc dù là nước có mối quan hệ đồng minh chiến lược với Mỹ như nước láng giềng Nhật Bản, song Hàn Quốc lại đang theo đuổi chính sách hai mặt. Theo đó, Hàn Quốc vừa tranh thủ mối quan hệ đồng minh với Hoa Kỳ để đảm bảo an ninh quốc gia trước một Triều Tiên luôn sẵn sàng sử dụng vũ khí hạt nhân, đồng thời cũng muốn tận dụng tối đa những lợi ích từ hoạt động thương mại, đầu tư với Trung Quốc. Ngoài ra, do tính phụ thuộc kiềm chế trong hoạt động thương mại giữa hai nước ngày càng lớn nên Hàn Quốc sẽ khó có những hành động làm tổn hại đến mối quan hệ này.

Trong chiến lược chính trị - ngoại giao: Việc tạo lập và duy trì môi trường láng giềng tốt đẹp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Do đó, Trung Quốc luôn coi trọng phát triển quan hệ với Hàn Quốc để đảm bảo môi trường xung quanh thuận lợi, phục vụ cho sự phát triển kinh tế. Tháng 8 năm 1992, Trung Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc. Sau hơn 20 năm thiết lập quan hệ bang giao, quan hệ Trung - Hàn đang ngày càng được củng cố. Từ “Quan hệ đối tác hợp tác toàn diện” năm 2003, được nâng lên thành “Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược” vào năm 2008. Đặc biệt vào tháng 7/2014 vừa qua, điểm đến thăm đầu tiên của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình lại là Hàn Quốc chứ không phải Triều Tiên như truyền thống trước đó, đã truyền đi một thông điệp mạnh mẽ về vị trí của Hàn Quốc trong chiến lược mới của Trung Quốc và phần nào cho thấy tham vọng về việc xây dựng một trật tự Đông Á mới của Trung Quốc.

Với Trung Quốc, tăng cường quan hệ với Hàn Quốc là một trong những sáng kiến mà Bắc Kinh đang theo đuổi để nổi lên như một "thủ lĩnh mới" trên chính trường khu vực và tách Mỹ ra khỏi các đồng minh ở Châu Á. Điều đó cũng có nghĩa là trong cuộc đấu giữa Trung Quốc và Nhật Bản, Tokyo có thể không nhận được sự ủng hộ từ Seoul. Nó cũng có thể đồng nghĩa với việc Trung Quốc sẽ có mối quan hệ không mấy bình lặng với Triều Tiên trong tương lai.

Trong chiến lược phát triển kinh tế: Tính hợp tác, bổ sung trong cơ cấu kinh tế của Hàn Quốc là yếu tố thuận lợi cho phát triển các ngành công nghiệp chế tạo của Trung Quốc. Trong lĩnh vực kinh tế, không giống như quan hệ với các đối tác lớn khác thường xuất hiện yếu tố hợp tác và cạnh tranh đan xen nhau, quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Hàn Quốc luôn có sự hợp tác bổ sung nhau. Có thể thấy rõ sự bổ sung đó trong cơ cấu mậu dịch giữa hai nước. Trung Quốc xuất khẩu sang Hàn Quốc các sản phẩm nông thủy sản, sợi dệt, khoáng sản, thép, dầu thô, kim loại màu chủ yếu dưới hình thức

nguyên liệu thô, còn Hàn Quốc xuất khẩu sang Trung Quốc các sản phẩm may mặc, điện tử và thiết bị điện, hóa chất công nghiệp, thép thành phẩm dưới hình thức là các hàng hóa trung gian cho việc chế tạo sản phẩm. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro dẫn đến kinh tế suy thoái thì Hàn Quốc là một trong những đối tác thương mại hàng đầu, đóng góp đáng kể vào tổng thu ngân sách của Trung Quốc. Nếu lấy mốc thiết lập quan hệ ngoại giao hai nước năm 1992, tổng kim ngạch hai chiều mới chỉ dừng ở 5,1 tỷ USD thì tính đến sáu tháng đầu năm 2016, con số này đã đạt mức 100,2 tỷ USD ²².

Ngoài ra, Hàn Quốc còn là một mắt xích quan trọng cùng Trung Quốc tiến hành đàm phán thương mại với Nhật Bản, tiến tới một FTA Đông Bắc Á gồm 3 nước: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và xa hơn nữa là Hiệp định thương mại tự do khu vực Đông Á (bao gồm: ASEAN và 3 nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc). Nếu FTA Đông Á được ký kết, sẽ làm tăng tính tùy thuộc lẫn nhau thông qua hoạt động thương mại đầu tư, từ đó những điểm nóng trong khu vực sẽ được kiểm soát tốt hơn và chắc chắn với tiềm lực kinh tế khổng lồ sẵn có, Trung Quốc sẽ tận dụng được lợi thế tốt nhất để trỗi dậy, làm thay đổi cán cân quyền lực và cục diện chính trị thế giới.

1.3. Từ cấp độ cá nhân

1.3.1. Lãnh đạo Trung Quốc

Tổng Bí thư là chức danh cao nhất được bầu ra trong Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ của Ban chấp hành Trung ương ĐCS, được tái nhiệm không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Từ năm 1949 khi nước Cộng hòa Nhân dân (CHND) Trung Hoa được thành lập, dưới hệ thống chính trị "chế độ hiệp thương chính trị và hợp tác đa đảng do Đảng

²² Bộ Thương mại Trung Quốc, Tình hình xuất nhập khẩu của Hàn Quốc tháng 6 năm 2016 và thương mại hai chiều Trung – Hàn, <http://www.mofcom.gov.cn/article/i/dxfw/cj/201610/20161001417751.shtml>, ngày 20/10/2016

Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo" ĐCS Trung Quốc thực tế chịu trách nhiệm lãnh đạo Nhà nước, vì thế chức vụ lãnh đạo Đảng tương đương hoặc ở cấp cao hơn chức vụ lãnh đạo Nhà nước. Để quán triệt tinh thần lãnh đạo của Đảng, Tổng Bí thư thường kiêm luôn chức vụ Chủ tịch Quân ủy Trung ương, thống soái cao nhất của Lực lượng vũ trang, là Chủ tịch Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Mặc dù điều lệ của Đảng không cho phép Tổng Bí thư nắm quyền lực tuyệt đối nhưng để duy trì sự lãnh đạo của Đảng, trên thực tế Tổng Bí thư cao hơn cả chức vụ nguyên thủ quốc gia của Chủ tịch nước và chức vụ Thủ tướng. Theo Hiến pháp, Tổng Bí thư không có quyền lực về mặt Nhà nước. Mặc dù vậy, do Trung Quốc là nhà nước độc đảng lãnh đạo nên từ năm 1993, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân được bầu kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch nước, giữ vai trò nguyên thủ quốc gia, có quyền lực hơn cả Thủ tướng. Từ đó, theo thông lệ Tổng Bí thư sẽ được bầu làm Chủ tịch nước ngay trong kỳ họp Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc gần nhất.

Giang Trạch Dân: luôn coi trọng việc phát triển quan hệ với các nước láng giềng, lấy ngoại giao láng giềng làm trọng điểm của ngoại giao Trung Quốc, thực hiện một số chiến lược ngoại giao láng giềng mới để xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc tạo môi trường xung quanh thuận lợi. Trên cơ sở đó, từ khi lên lãnh đạo đất nước, Giang Trạch Dân thường xuyên tiếp xúc và thăm viếng cấp cao tới Hàn Quốc, qua đó nhiều lĩnh vực hợp tác được mở ra, quan hệ hai nước cũng xích lại gần nhau hơn.

Hồ Cẩm Đào: là người ôn hòa, trưởng thành từ vùng sa mạc Gobi gian khổ của vùng Cam Túc với vai trò là một cán bộ khoa học ngành kỹ thuật. Cũng tương tự như người lãnh đạo tiền nhiệm Giang Trạch Dân trong chính sách đối ngoại, Hồ Cẩm Đào chủ trương lấy chiến lược ngoại giao láng giềng hòa bình làm môi trường quan trọng cho chiến lược ngoại giao hòa bình của Trung Quốc, đưa ra tư duy mới về ngoại giao láng giềng, thực hiện chiến lược cùng phát triển với các nước khu vực xung quanh, nỗ lực xây dựng môi

trường hợp tác, hòa bình, ổn định lâu dài và cùng phát triển phồn vinh. Trên cương vị lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc, Hồ Cẩm Đào tiếp tục đẩy mạnh phát triển hơn nữa quan hệ với Hàn Quốc, nâng cấp mối quan hệ đó lên tầm đối tác hợp tác toàn diện.

Tập Cận Bình: có bố từng là Phó Thủ tướng Trung Quốc (Tập Trọng Huân) người tích cực ủng hộ cho công cuộc cải cách kinh tế đất nước. Tập Cận Bình được đánh giá là một người điềm đạm, thận trọng trong các quyết định và biết kiềm chế cảm xúc trước công chúng, ông làm Tổng Bí thư ĐCS Trung Quốc và Chủ tịch Ủy ban Quân ủy Trung ương ĐCS Trung Quốc từ tháng 11/2012, là nhân vật số một trong Ban Thường vụ Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc. Ngoài ra, Tập Cận Bình còn là Chủ tịch Ủy ban An ninh Quốc gia, đồng thời chủ trì nhóm giám sát cải cách quân sự và lãnh đạo nhóm các vấn đề tài chính và kinh tế của đất nước. Việc củng cố quyền lực này được cho là rất ấn tượng nhưng uy quyền của Tập Cận Bình còn đang được thúc đẩy bằng chiến dịch chống tham nhũng “đả hổ diệt ruồi” do ông khởi xướng. Theo tuyên bố được thống kê trước khi Hội nghị Trung ương 6 khóa 18 ĐCS Trung Quốc diễn ra đã có hơn 1,01 triệu quan chức nước này bị điều tra tham nhũng trong giai đoạn từ 2013 – 2016²³. Sự thống trị của Tập Cận Bình hướng tới vị trí đứng đầu trong mọi lĩnh vực tại Trung Quốc đang dần phá vỡ nguyên tắc tập thể lãnh đạo đã trở thành tiêu chuẩn trước đó.

Cũng giống như dấu ấn riêng của các thế hệ lãnh đạo tiền nhiệm, Tập Cận Bình đưa ra thuyết “bốn toàn diện” với một khao khát muốn phục hưng dân tộc Trung Hoa như trong chiến lược “Giác mộng Trung Hoa”. Tập Cận Bình đưa ra khái niệm “chính sách ngoại giao nước lớn mang màu sắc Trung Quốc”, đây là lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ giới lãnh đạo Bắc Kinh mô tả

²³ Phúc Duy, Trung Quốc điều tra trên 1 triệu quan chức bị tình nghi tham nhũng, <http://thanhnien.vn/the-gioi/trung-quoc-dieu-tra-tren-1-trieu-quan-chuc-bi-tinh-nghi-tham-nhung-758373.html>, ngày 24/10/2016

chính sách ngoại giao của mình là chính sách ngoại giao của một nước lớn ngày càng chủ động, tự tin và không còn “giấu mình chờ thời”. Từ khi lên nắm quyền bên cạnh việc ra sức cải cách trong nước, chính quyền Tập Cận Bình cũng có những điều chỉnh chiến lược trong chính sách đối ngoại của mình theo hướng nâng cao sự ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế và lấy lợi ích quốc gia là tối thượng. Ở khu vực Đông Bắc Á, Trung Quốc ngày càng coi trọng hơn quan hệ với Hàn Quốc, biểu hiện rõ nét đó là chuyển thăm đầu tiên sau khi nhận chức của Tập Cận Bình là Hàn Quốc chứ không phải nước đồng minh truyền thống Triều Tiên. Trong chính sách của Trung Quốc có những dấu ấn rõ nét thể hiện vai trò dẫn dắt của cá nhân Tập Cận Bình. Vì vậy trong quan hệ với Hàn Quốc không thể phủ nhận những tác động của giới lãnh đạo Trung Quốc.

1.3.2. Lãnh đạo Hàn Quốc

Tổng thống Hàn Quốc được bầu trực tiếp, có nhiệm kỳ 5 năm và không được tái ứng cử (Điều 67 Hiến pháp nước Đại Hàn Dân Quốc). Quy định này nhằm bảo đảm không cho bất kỳ cá nhân nào nắm quyền lực trong một thời gian dài. Dù vậy, nhưng Tổng thống Hàn Quốc vẫn có những đặc quyền rất lớn: *thứ nhất*, là người đứng đầu và đại diện cho toàn thể dân tộc trong quan hệ đối ngoại; *thứ hai*, đứng đầu cơ quan hành pháp, tổ chức và điều hành các công việc của Chính phủ; *thứ ba*, tổng tư lệnh lực lượng vũ trang; *thứ tư*, hoạch định chính sách và có quyền đề xuất những dự thảo luật trình Quốc hội.

Tổng thống Roh Tae-Woo: Là nhà lãnh đạo rất tích cực trong chính sách ngoại giao và kiên định trong việc thúc đẩy hướng tới cải cách lĩnh vực chính trị cũng như kinh tế, xã hội. Dân chủ hóa chính trị, kinh tế tăng trưởng và công bằng, thống nhất đất nước là ba mục tiêu chính sách được chính quyền của Tổng thống Roh chú trọng. Vào tháng 7/1988, ông đưa ra sáng kiến về chính sách ngoại giao hiếu chiến, với tên gọi “ngoại giao phương Bắc” hay “chính trị phương Bắc” với phần lớn lợi ích thuộc về Hàn Quốc.

Mục tiêu cuối cùng của chính sách “ngoại giao phương Bắc” chính là phải giải quyết vấn đề thống nhất hai miền Nam Bắc bán đảo Triều Tiên, nhưng để thực hiện chính sách này, trước tiên phải giải quyết vấn đề bình thường hóa quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô và Trung Quốc, do đó phát triển quan hệ với nước láng giềng Trung Quốc luôn là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Hàn Quốc thời kỳ này.

Tổng thống Kim Dae-Jung: ông là chủ nhân giải thưởng Nobel Hòa bình năm 2000. Kim Dae-Jung rất coi trọng phát triển quan hệ với Trung Quốc xuất phát từ lợi ích quốc gia của Hàn Quốc. Từng là nước ở cực đối kháng với Trung Quốc, nhưng sau Chiến tranh lạnh Hàn Quốc luôn đề cao lợi ích quốc gia của mình. Theo Hiến pháp nước Đại Hàn Dân Quốc thì Chính phủ Hàn Quốc phải đảm bảo 5 nguyên tắc lợi ích của quốc gia là: bảo đảm an ninh quốc gia, duy trì chủ nghĩa tự do dân chủ và nhân quyền, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phúc lợi, thực hiện hòa bình thống nhất bán đảo, đóng góp cho hòa bình của thế giới và nhân loại. Chính phủ Kim Dae-Jung tích cực khởi xướng xây dựng cơ chế an ninh đa phương Đông Bắc Á, từng bước điều chỉnh chính sách ngoại giao với Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Nga, tăng cường “ngoại giao phối hợp tứ cường” (tứ cường: Mỹ, Nhật, Nga, Trung Quốc). Tích cực và coi trọng phát triển quan hệ với Trung Quốc là một mắt xích quan trọng trong chuỗi mắt xích của chính sách “ngoại giao phối hợp tứ cường” này.

Tổng thống Lee Myung-Bak: trước khi biết đến vai trò của một chính trị gia ông từng là một doanh nhân. Ông được xem là Tổng thống Hàn Quốc được bầu đầu tiên có hiểu biết rộng về kinh doanh, từ một chú bé nhặt rác trở thành một nhà lãnh đạo doanh nghiệp, làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau. Về mặt chính trị ông có khuynh hướng bảo thủ, chủ trương đường lối cứng rắn hơn với Bắc Hàn, khôi phục quan hệ thân thiết với Hoa Kỳ và đề cao kinh tế thị trường tự do. Một trong những chính sách “ngoại giao thực dụng” của

Lee Myung-Bak là phát triển quan hệ đối tác hợp tác chiến lược với Trung Quốc. Coi trọng và tăng cường phát triển quan hệ với Trung Quốc là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Lee Myung-Bak.

Tổng thống đương nhiệm Park Geun-Hye: là con gái của cố Tổng thống Hàn Quốc Park Chung-Hee. Bà Park vốn thông thạo tiếng Trung Quốc cũng như lịch sử, triết học, văn học và thư pháp Trung Quốc. Ngày 25/2/2013, bà nhậm chức Tổng thống Hàn Quốc và là nữ Tổng thống đầu tiên trong lịch sử của nước Đại Hàn Dân Quốc. Trước đó Tổng thống Park từng là Nghị sĩ Quốc hội Hàn Quốc và là cựu Chủ tịch của Đảng Saenuri - Đảng Thế giới mới. Ngay từ khi lên nắm quyền điều hành Chính phủ, Tổng thống Park tiếp tục duy trì chính sách ngoại giao mềm dẻo “chính sách hai mặt” với Trung Quốc và Mỹ. Nếu coi quan hệ với Mỹ là đồng minh, chỗ dựa vững chắc về an ninh và phát triển thì Chính phủ Hàn Quốc cũng rất chú ý đến thời cơ từ quá trình trỗi dậy của Trung Quốc đem lại cho Hàn Quốc.

1.4. Tiểu kết

Từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới chứng kiến vai trò vượt trội của Mỹ trên phạm vi toàn cầu, trở thành siêu cường duy nhất của thế giới. Song bước sang thế kỷ 21 với những thành tựu của khoa học kỹ thuật - công nghệ và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ khắp nơi làm cho nhiều nước và khu vực vươn lên trở thành các trung tâm kinh tế, chính trị mới của thế giới mà điển hình là Trung Quốc. Trước những biến đổi nhanh chóng của cục diện thế giới và khu vực, các nước đã và đang có những điều chỉnh chiến lược nhằm thích ứng với bối cảnh, tình hình mới. Khu vực Châu Á - TBD với vị trí địa chính trị chiến lược của mình đã trở thành địa bàn cạnh tranh khốc liệt nhất giữa các nước lớn, nổi bật là Mỹ và Trung Quốc. Với chính sách xoay trục sang khu vực Châu Á- TBD trong hai nhiệm kỳ liên tiếp của Tổng thống Mỹ Barack Obama, Trung Quốc không thể làm ngơ và buộc phải điều chỉnh lại chính sách đối ngoại của mình, trong đó ưu tiên cho chính sách ngoại giao

láng giềng nhằm tạo cơ sở để gia tăng ảnh hưởng của mình ở khu vực và hy vọng kiềm chế được sự ảnh hưởng của Mỹ tại đây.

Là quốc gia láng giềng có vị trí địa chính trị chiến lược quan trọng, do đó Hàn Quốc khó có thể tách khỏi chiến lược lôi kéo của Trung Quốc. Mặt khác, để thực hiện mục tiêu cuối cùng là thống nhất hòa bình bán đảo Triều Tiên thì Hàn Quốc cũng cần tranh thủ sự ủng hộ của Trung Quốc trên lĩnh vực chính trị và tận dụng tốt cơ hội trong quan hệ thương mại với Trung Quốc để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh những lợi ích mà Trung Quốc đem lại Hàn Quốc phải đối diện với những thách thức không hề nhỏ để cân bằng quan hệ với các nước lớn, đặc biệt là quan hệ đồng minh Hàn - Mỹ.